

CÔNG KHAI

Thông tin cơ sở giáo dục đầu năm học 2024 - 2025

I. Thông tin cơ sở giáo dục:

Trường THCS Quốc Tuấn

Địa chỉ: Thôn Đông Nham 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP Hải Phòng

Website: thcsquoctuan@anlao.edu.vn

Thư điện tử: http://thcsquoctuan@anlao.edu.vn

Mã số thuế: 0200950993

II. Loại hình của nhà trường: Công lập

III. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

1. Sứ mạng: Hành động vì sự tiến bộ của mỗi thành viên để kiến tạo ngôi trường thực sự hạnh phúc.

2. Tầm nhìn: xây dựng trường Xanh- Sạch- Đẹp- Thân thiện và An toàn, Trường học Hạnh phúc; chất lượng thuộc топ 3 đơn vị dẫn đầu về chất lượng giáo dục của cấp THCS huyện An Lão.

3. Mục tiêu của nhà trường

3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng được môi trường giáo dục có nề nếp, kỷ cương, có uy tín về chất lượng giáo dục để mỗi GV, HS đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát huy tài năng và tư duy sáng tạo.

Nhà trường là ngôi trường sạch sẽ, thân thiện, nhân văn - ngôi nhà thứ 2 hạnh phúc của GV, HS; là địa chỉ giáo dục đáng tin cậy cho nhân dân địa phương trong xã và huyện.

Mục tiêu trong năm 2024 trường THCS Quốc Tuấn phấn đấu công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Mục tiêu đến năm 2030 trường THCS Quốc Tuấn phấn đấu đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2; tầm nhìn 2030 xây dựng trường Xanh- Sạch- Đẹp- Thân thiện và An toàn, Trường học Hạnh phúc; chất lượng thuộc топ 3 đơn vị dẫn đầu về chất lượng giáo dục của cấp THCS huyện An Lão.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- 100% CBQL-GV-NV đạt trình độ chuẩn.
- 100% CBQL được PGD – UBND huyện đánh giá xếp loại viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% GV, NV được Hiệu trưởng đánh giá xếp loại viên chức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

- 100% GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ khá trở lên.
- Không có CB, GV, NV vi phạm phẩm chất người thầy, vi phạm pháp luật và vi phạm vào các tệ nạn xã hội.

3.2.2. Học sinh:

3.2.2.1. Quy mô: Số lớp học: duy trì 19 lớp, Số học sinh: 759 em

3.2.2.2. Chất lượng giáo dục toàn diện

*** *Chất lượng đại trà***

- Xếp loại về học tập :
 - + Loại Tốt: 35% trở lên
 - + Loại khá : 40% trở lên
 - + Loại chưa đạt : dưới 2,0%
- Xếp loại về Rèn luyện:
 - + Tốt: 90% trở lên
 - + Không có HS xếp loại chưa đạt
- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt: 98% trở lên (Lên lớp sau rèn luyện, thi lại: 99,5 % trở lên)
- Ổn định và nâng cao chất lượng học sinh đại trà, KSCL xếp thứ tự phần đầu giữ vững thuộc top 5 trường dẫn đầu huyện;
- Tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp THCS: 99,5% trở lên;
- Tỷ lệ HS sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt từ 75-80%; học nghề đạt 20-25% ;
- Thi vào lớp 10 THPT : Điểm bình quân xét tuyển vào lớp 10 tăng ít nhất 1,0 điểm so với năm học trước. Xếp thứ kết quả thi vào lớp 10 thuộc top 3 - 5 /16 trường và 50 – 80 của thành phố.

*** *Chất lượng học sinh giỏi***

- Tham gia 100% các cuộc thi theo hướng dẫn của các cấp.
- Công tác học sinh giỏi: Thuộc top 5-10/16 trường.
 - + Cấp huyện: đạt 40 - 60% (tổng số học sinh dự thi).
 - + Cấp thành phố: đạt 40 - 50% (tổng số học sinh dự thi).

3.2.2.3. *Hoạt động ngoại khóa, công tác Đội, phong trào thiếu nhi và công tác An toàn an ninh trường học.*

- 100% học sinh thực hiện tốt các nội quy trường, lớp, không mắc tệ nạn xã hội.
- 100% học sinh được tham gia các chuyên đề, hoạt động lễ, hội, các hoạt động khám phá, trải nghiệm, rèn kỹ năng sống do trường tổ chức, tự tin trong giao tiếp, phòng ngừa các tai nạn rủi ro, phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, biết bảo vệ, tự vệ với các tiêu cực ở ngoài xã hội.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 80% HS tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
- 100% lớp tham gia chăm sóc di tích lịch sử địa phương.

- Triển khai tổ chức chuyên đề ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm; tổ chức chuyên đề “Hành quân theo bước chân những người anh hùng”, tri ân các thế hệ đi trước nhân ngày 20/11 và 22/12. Tham gia ngày hội STEM do phòng GD&ĐT tổ chức.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn, an ninh trường học. Phân đầu không có HS vi phạm ATGT.

- Phối hợp với trung tâm ngoại ngữ dạy tiếng Anh tăng cường có yếu tố người nước ngoài cho 100% học sinh khối 6,7,8 có nhu cầu.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ, năng khiếu, TDTT, văn nghệ

3.2.3. Cơ sở vật chất:

- Diện tích đất: 9720 m², bình quân 12.8 m²/học sinh, so với yêu cầu tối thiểu toàn trường thiếu 0 m². Có 1 điểm trường.

- Khối hành chính quản trị có 5 phòng (04 phòng làm việc và 01 Hội trường), thiếu 01 phòng.

- Khối phòng học tập có 21 phòng. Còn thiếu 07 phòng (04 phòng học, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng bộ môn KHXH, 01 phòng đa chức năng).

- Khối phòng hỗ trợ học tập 03 phòng. Còn thiếu 03 phòng (01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng TVHD và HTHSKT học hòa nhập, 01 phòng Đảng – Đoàn thể)

- Khối phòng phụ trợ: có 03 phòng, còn thiếu 04 phòng (01 phòng các tổ chuyên môn, 01 phòng y tế trường học, 01 nhà kho, 01 phòng nghỉ giáo viên)

- Số thiết bị dạy học hiện có 01 bộ/ khối, còn thiếu 04 bộ/ khối.

4. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THCS Quốc Tuấn tiền thân là trường Phổ thông nông nghiệp Quốc Tuấn được thành lập từ năm 1960. Đến năm 1992 trường được tách ra theo Quyết định số 243/QĐ- UB ngày 02 tháng 11 năm 1992 của Chủ tịch UBND huyện An Lão và mang tên trường THCS Quốc Tuấn từ đó. Trường nằm trên địa bàn xã Quốc Tuấn- Huyện An Lão- Thành phố Hải Phòng. Trường có tổng diện tích 9720 m², có 03 dãy nhà 2 tầng với 16 phòng học, 18 phòng chức năng. Sau 30 năm phấn đấu và trưởng thành, Trường THCS Quốc Tuấn liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc. Được sự quan tâm của các cấp các ngành, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang, đầy đủ, cảnh quan nhà trường ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp; các em học sinh được học tập trong sự chăm lo của gia đình, nhà trường và xã hội, các thầy cô giáo không ngừng phấn đấu vươn lên, đưa chất lượng giáo dục ngày càng khởi sắc, ổn định và bền vững. Đặc biệt tháng 9/ 2010 nhà trường được Chủ tịch UBND Thành phố cấp bằng công nhận “Trường đạt chuẩn Quốc gia” theo Quyết định số 1908/QĐ- UBND của UBND thành phố Hải Phòng; vào tháng 8 năm 2013 nhà trường được Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo cấp bằng công nhận Trường đạt chuẩn “Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3”.

5. Thông tin về người đại diện trước pháp luật:

- Họ tên: Bùi Thị Minh Nguyệt

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ: Trường THCS Quốc Tuấn - Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng

- SĐT: 0904733873
- Email: minhnguyet1976alhp@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy:

Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ-UB ngày 03/ 11/ 1992 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

- Quyết định công nhận hội đồng trường số 3252/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc Kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021-2025.

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 1723/QĐ-UBND ngày 09/06/2021 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng số 3577/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định số 5902/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện An Lão về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021-2025.

*** Chức năng:** Trường THCS Quốc Tuấn là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường THCS Quốc Tuấn chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND huyện An Lão, đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo An Lão về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Trung học phổ thông nhiều cấp học.

***Nhiệm vụ:**Trường THCS Quốc Tuấn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường THCS được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
 - Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
 - Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
 - Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quốc Tuấn, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Minh Nguyệt

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN

BIỂU CÔNG KHAI
ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Đội ngũ giáo viên	Số lượng	Trình độ				Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm	
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	SL Khá	Tỉ lệ %	SL Tốt	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Cán bộ quản lý	2			1	1			2		2	
	Hiệu trưởng	1				1			1	100%	1	100%
	Phó Hiệu trưởng	1			1				1	100%	1	100%
2	Giáo viên	32		2	26	1	10		19		29	100%
	Giáo viên THCS hạng II				13	0	2	15,3%	11	84,7%	13	100%
	Giáo viên THCS hạng III			2	13	1	8	50%	8	50%	16	100%
3	Nhân viên	4			3						3	
	TB-TN	0										
	Thư viện	1			1						1	100%
	Kế toán	1			1						1	100%
	Văn thư	1			1						1	100%
	Y tế học đường	0										
	Bảo vệ,	2										
	Tổng	38		2	28	2	10	28,6%	21	68,6%	35	100%

Quốc Tuấn, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Minh Nguyệt

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN

BIỂU CÔNG KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

a	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Bình quân
a.1	Điểm trường	1	
a.2	Diện tích khu đất xây dựng trường	9720 m2	
a.3	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh		12,8 m2/HS
b	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
b.1	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị		
b.2	Khối phòng học tập		
b.3	Khối phòng hỗ trợ học tập		
b.4	Khối phụ trợ		
b.5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	3500 m2	4,6m2/HS
b.6	Khối phục vụ sinh hoạt		
c	Số thiết bị dạy học hiện có		
	Khối lớp 6	1	6
	Khối lớp 7	1	7
	Khối lớp 8	1	6
	Khối lớp 9	3	6

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

STT	Tên sách (nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 6 - Tập một (Cánh diều)
2	Ngữ văn 6 - Tập hai (Cánh diều)
3	Toán 6 - Tập một (Cánh diều)
4	Toán 6 - Tập hai (Cánh diều)
5	Giáo dục công dân 6 (Cánh diều)
6	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

7	Khoa học tự nhiên 6 (Cánh diều)
8	Công nghệ 6 (Cánh diều)
9	Tin học 6 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 6 (Cánh diều)
11	Âm nhạc 6 (Cánh diều)
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng Anh 6 (Global Success)
14	Mĩ thuật 6 (Cánh diều)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

STT	Tên sách (nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 7 tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 7 tập 2 (Cánh diều)
3	Toán 7, Tập một (Cánh diều)
4	Toán 7, Tập hai (Cánh diều)
5	Khoa học tự nhiên 7 (Cánh diều)
6	Lịch sử và Địa lý 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Giáo dục công dân 7 (Cánh diều)
8	Âm nhạc 7 (Cánh diều)
9	Mĩ thuật 7 (Cánh diều)
10	Tin học 7 (Cánh diều)
11	Công nghệ 7 (Cánh diều)
12	Giáo dục thể chất 7 (Cánh diều)
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
14	Tiếng Anh 7 (Global Success)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

STT	Tên sách (nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 8 tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 8 tập 2 (Cánh diều)
3	Toán 8, Tập một (Cánh diều)
4	Toán 8, Tập hai (Cánh diều)
5	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh diều)
6	Lịch sử và Địa lý 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Giáo dục công dân 8 (Cánh diều)
8	Âm nhạc 8 (Cánh diều)
9	Mĩ thuật 8 (Cánh diều)
10	Tin học 8 (Cánh diều)

11	Công nghệ 8 (Cánh diều)
12	Giáo dục thể chất 8 (Cánh diều)
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
14	Tiếng Anh 8 (Global Success)

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

STT	Tên sách (nhà xuất bản)
1	Ngữ văn 9 tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 9 tập 2 (Cánh diều)
3	Toán 9, Tập một (Cánh diều)
4	Toán 9, Tập hai (Cánh diều)
5	Khoa học tự nhiên 9 (Cánh diều)
6	Lịch sử và Địa lý 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Giáo dục công dân 9 (Cánh diều)
8	Âm nhạc 9 (Cánh diều)
9	Mĩ thuật 9 (Cánh diều)
10	Tin học 9 (Cánh diều)
11	Công nghệ 9 (Cánh diều)
12	Giáo dục thể chất 9 (Cánh diều)
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
14	Tiếng Anh 9 (Global Success)

Quốc Tuấn, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Minh Nguyệt

BIỂU CÔNG KHAI
VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, TUYỂN SINH, KẾT QUẢ GD

I. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Mức độ đạt kiểm định: Mức độ 3

Thời gian hiệu lực: 5 năm, từ năm 2017 đến năm 2022.

II. KẾT QUẢ TUYỂN SINH NĂM HỌC 2024-2025 VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023-2024

1/ Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025

Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực tế	Ghi chú
1	Khối lớp 6	191	179	

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2024- 2025

stt	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	4	5	5	5
2	Số học sinh	180	210	180	190
3	Số HS bình quân/lớp	45	42	36	38
4	Số HS nam/HS nữ	79/81	108/102	79/81	99/91
5	HS người dân tộc	0	0	1	1
6	HS khuyết tật, hoà nhập	3	1	0	1
7	Học sinh chuyển trường	0	4	1	0
8	Học sinh tiếp nhận	0	3	1	0

2/ Kết quả giáo dục năm học 2023-2024

Kết quả học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp, HS tốt nghiệp THCS, HS trúng tuyển vào các trường THPT công lập.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp
-----	----------	---------	-----------------------

			Lớp 6	Lớp7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm đối với K9; rèn luyện K6,7,8	757	213	181	190	173
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	735 (97.1%)	206 (96.7%)	174 (96.1%)	182 (95.8%)	173 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 (2.8%)	6 (2.8%)	7 (3.9%)	8 (4.2%)	0
3	Trung bình K9, Đạt K6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (2.3%)	0	0	0
4	Yếu K9; Chưa đạt K6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực, học tập	757	213	181	190	173
1	Tốt (K6,7,8) - Giỏi (9) (tỷ lệ so với tổng số)	345 (45.6%)	90 (42.3%)	77 (42.5%)	93 (49%)	85 (49.1%)
2	Khá (K6,7,8) - Khá (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	294 (38.8%)	87 (40.9%)	79 (43.7%)	71 (37.4%)	57 (32.9%)
3	Đạt (K6,7,8) - Trung bình (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	117 (15.5%)	35 (16.4%)	25 (13.8%)	26 (13.7%)	31 (17.9%)
4	Chưa đạt (K6,7,8) - Yếu (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.5%)	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp K6,7,8. Tốt nghiệp khối 9 (tỷ lệ so với tổng số)	756 (99.8%)	212 (99.5%)	181 (100%)	190 (100%)	173 (100%)
a	Học sinh Xuất sắc (K6,7,8) - Giỏi (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	153 (20,2%)	26 (12.3%)	21 (11.6%)	21 (11.1%)	85 (49.1%)
b	Học sinh Giỏi (K6,7,8) - Tiên tiến (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	271 (36%)	86 (41%)	56 (31%)	72 (38%)	57 (33%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.4%)	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	1 (0.4%)	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (2.9%)	3 (1.6%)	6 (3.1%)	7 (4.0%)	4 (2.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	5	0	1	1	3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	4	0	0	1	3
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	173	0	0	0	173
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	173	0	0	0	173
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	85 (49.1%)	0	0	0	85 (49.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57 (32.9%)	0	0	0	57 (32.9%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	31 (17.9%)	0	0	0	31 (17.9%)
VII	Số học sinh đỗ vào các trường THPT (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	403/354	111/102	100/81	99/91	93/80
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1	0

Quốc Tuấn, ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Minh Nguyệt

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN

BIỂU CÔNG KHAI
KẾ HOẠCH THU CHI NĂM HỌC 2024-2025

TT	Nội dung	Quyết toán năm học 2023-2024	Kế hoạch thu chi năm học 2024-2025	Dự toán năm học 2025-2026
1	2	3	4	5
I.01	Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí			
1.1	Số dư năm trước chuyển sang			
1.2	Mức hỗ trợ: 62.000 đ/tháng/HS	62.000 đ/tháng/ học sinh	62.000 đ/tháng/ học sinh	62.000 đ/tháng/ học sinh
1.3	Tổng số hỗ trợ trong năm	422.530.000	422.282.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm			
1.5	Số chi trong năm	422.530.000	422.282.000	
	Trong đó:			
	Tạo nguồn cải cách tiền lương	422.530.000	422.282.000	
1.6	Số dư cuối năm	0	0	
2	Bảo hiểm y tế học sinh			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
2.2	Mức thu	680.400đ/HS	884.520đ/HS	884.520đ/HS
2.3	Tổng số thu trong năm	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.5	Số chi trong năm cho BHXH huyện An Lão	499.413.600đ	663.390.000đ	
2.6	Số dư cuối năm	0	0	
3	Quỹ vòng tay bè bạn			
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.664.600đ	0	
3.2	Mức thu: thu giấy vụn của HS		Thu giấy vụn, phế liệu của học sinh	Thu giấy vụn, phế liệu của học sinh
3.3	Tổng số thu trong năm	28.080.000đ		
3.4	Số chi trong năm			
	Chi nộp huyện Đoàn	6.993.000đ	25% tổng thu	25% tổng thu
	Chi chuyên đề đội, hoạt động đội	22.751.600đ	75% tổng thu	75% tổng thu

3.5	Số dư cuối năm	0	0	
1.02	Khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Theo NQ 02/NQ- HĐND)			
1	Môn học liên kết			
1.1	Kỹ năng sống			
1.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	24.644.851đ	0	
1.1.2	Mức thu: 40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng	40.000 đ/HS/tháng
1.1.3	Tổng số thu trong năm	176.820.000đ		
1.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	201.464.851đ		
1.1.6	Số chi trong năm			
	Nộp về trung tâm tiền học phí 73%	129.078.600đ	Nộp về Trung tâm 73% tiền học phí	Nộp về Trung tâm 73% tiền học phí
	Nộp thuế 0,54%	954.828đ	Nộp thuế 0.54%HP	Nộp thuế 0.54%HP
	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 15%	26.523.000đ	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (15%)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (15%)
	Chi phúc lợi cơ quan 5%	19.852.021đ	- Chi phúc lợi cơ quan (5%HP)	- Chi phúc lợi cơ quan (5%HP)
	Chi mua sắm, sửa chữa CSVC 6,46%	17.209.479đ	- Chi mua sắm, sửa chữa CSVC (6.46%HP)	- Chi mua sắm, sửa chữa CSVC (6.46%HP)
1.1.7	Số dư cuối năm	7.846.923đ		
1.2	Tiếng Anh người nước ngoài			
1.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	17.696.417đ	0	
1.2.2	Mức thu	140.000 đ/hs/tháng	140.000 đ/hs/tháng	140.000 đ/hs/tháng
1.2.3	Tổng số thu trong năm	537.600.000đ		
1.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	555.296.417đ		
1.2.6	Số chi trong năm			
	Nộp về công ty tiền học phí 80%	430.080.000	Nộp về công ty 80% tiền học phí	Nộp về công ty 80% tiền học phí
	Nộp thuế 0,4%	2.150.400đ	Nộp thuế	Nộp thuế

			0.4%HP	0.4%HP
	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 12,5%	67.200.000đ	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (12,5%HP)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (12,5%HP)
	Chi phúc lợi cơ quan 3,5%	25.103.240	- Chi phúc lợi cơ quan (3,5%HP)	- Chi phúc lợi cơ quan (3,5%HP)
	Chi mua sắm, sửa chữa CSVC 3,6%		- Chi mua sắm, sửa chữa CSVC (3,6%)	- Chi mua sắm, sửa chữa CSVC (3,6%)
1.2.7	Số dư cuối năm	30.762.777		
2.	Học thêm và ôn thi vào 10			
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	5.132.945đ		
2.2	Mức thu:	290.000 đ/HS/tháng-học thêm	290.000 đ/HS/tháng-học thêm	Mức thu: 290.000 đ/HS/tháng-học thêm
2.3	Tổng số thu trong năm	1.621.970.000 đ		
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.627.102.945 đ		
2.6	Số chi trong năm			
	Chi nộp thuế 2%	32.439.400đ	Chi nộp thuế 2%	Chi nộp thuế 2%
	Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên 86%	1.366.996.316 đ	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (86% sau thuế)	- Chi lương tăng thêm cho Quản lý, giáo viên, nhân viên (86% sau thuế)
	Chi CSVC 9%	100.349.000đ	Chi CSVC (9% sau thuế)	Chi CSVC (9% sau thuế)
	Chi phúc lợi cơ quan 5%	79.804.965đ	Chi phúc lợi cơ quan 5% sau thuế	Chi phúc lợi cơ quan 5% sau thuế
2.7	Số dư cuối năm	47.513.264đ		
3.	Trông coi xe			
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	
3.2	Mức thu	(Xe đạp thường:	(Xe đạp thường:	(Xe đạp thường:

		20.000 đồng/HS/thán g, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)	20.000 đồng/HS/thán g, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)	20.000 đồng/HS/thán g, xe đạp điện: 30.000 đ/HS/tháng)
3.3	Tổng số thu trong năm	110.478.000đ		
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	110.478.000đ		
3.6	Số chi trong năm			
	Nộp thuế 10%	11.047.800đ	- Nộp thuế (10% Tổng thu)	- Nộp thuế (10% Tổng thu)
	Trả lương người trông xe 70%	77.334.600đ	- Trả công người trông xe (70%)	- Trả công người trông xe (70%)
	Chi cơ sở vật chất 20%	22.095.600đ	- Chi cơ sở vật chất (20%)	- Chi cơ sở vật chất (20%)
3.7	Số dư cuối năm	22.095.600đ		
4.	Nước uống học sinh			
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0		
4.2	Mức thu: 77.000đ/năm	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)	(Học kỳ 1: 35.000 đ/HS; Học kỳ 2: 42.000 đ/HS)
4.3	Tổng số thu trong năm	53.081.000đ		
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	53.081.000đ		
4.6	Số chi trong năm			
	Trong đó: - Chi trả tiền nước theo hợp đồng	53.081.000đ		
4.7	Số dư cuối năm	0		
I.03	Tài trợ			
	- Số tiền vận động tài trợ		Dự kiến vận động tài trợ vào học kỳ 2	
	- Chi			
	- Số dư cuối năm	0		
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.174.016.396	5.308.996.895	
1	Chi quản lý hành chính	7.174.016.396	5.308.996.895	

